

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 480/2026/DS-PT
Ngày: 17/8/2026
V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản và mua bán tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quân.

Các Thẩm phán: ông Bùi Đăng, ông Nguyễn Công Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Trúc Giang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
ông Trần Minh Công - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 305/2026/TLPT-DS ngày 15 tháng 5 năm 2026 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và mua bán tài sản*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2026/DS-ST ngày 12 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Lâm Đồng bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 457/2026/QĐ-PT ngày 15 tháng 6 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 363/2026/QĐ-PT ngày 30 tháng 6 năm 2026, Thông báo về việc hoãn phiên tòa số 412/TB-TA ngày 22 tháng 7 năm 2026 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 303/TB-TA ngày 03 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Phạm Thị M, sinh năm 1972;

Địa chỉ: thôn M, xã N-L, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Vũ Xuân Q, sinh năm 1981; địa chỉ: thôn T, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn:

1. Bà Ninh Thị Lệ X, sinh năm 1979; địa chỉ: thôn H, xã N, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bà Trần Thị N, sinh năm 1952; địa chỉ: thôn H, xã N, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền cho bà X và bà N: bà Lê Thị Kim L, sinh

năm 1999; địa chỉ: A T, phường X-Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** ông Lê Trung H, địa chỉ: thôn H, xã N, tỉnh Lâm Đồng.

- **Người kháng cáo:** bà Trần Thị N và bà Ninh Thị Lệ X là bị đơn.

Tại phiên tòa có mặt bà Phạm Thị M, ông Vũ Xuân Q, bà Lê Thị Kim L; vắng mặt bà Trần Thị N, bà Ninh Thị Lệ X và ông Lê Trung H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, bà Phạm Thị M trình bày:

Từ tháng 01/2021 đến tháng 01/2025, bà có mua cà phê của bà Trần Thị N và bà Ninh Thị Lệ X, đồng thời có cho bà X vay tiền. Đến nay, bà N và bà X còn nợ bà 23.657kg cà phê nhân và số tiền 652.000.000 đồng. Cụ thể như sau:

- Năm 2021:

+ Ngày 03/6/2021, cho bà X vay 400.000.000đ, bà X nhận tiền mặt (có ký nhận), lãi suất 0,88%×44 tháng.

+ Ngày 12/6/2021, chuyển cho bà X số tiền 300.000.000đ thông qua số tài khoản: 5402205193516 Ngân hàng N1, mục đích để mua cà phê nhân khô loại Rô, trọng lượng 10 tấn, giá cà phê tại thời điểm đó. Bà X hẹn đến ngày 05/12/2021, bà X giao cà phê cho bà M nhưng bà X không giao.

- Ngày 10/9/2022, bà M với bà X thanh toán tiền và bà X nợ lại 5.289,7kg cà phê nhân khô loại Rôbusta và chuyển tiền để bà X giải quyết việc riêng 350.000.000đ, sau đó bà X chuyển trả một phần và nợ lại 200.000.000đ. Ngoài ra, bà M mua giúp bà X 05 tấn phân hiệu NPK Đầu Trâu với số tiền 52.000.000đ nhưng đến nay bà X không thanh toán, lãi suất 0,88% ×29 tháng. Số lượng cà phê bà X nợ là: 5.289,7 kg cà phê nhân loại Rôbusta + 10 tấn = 15.289,7 kg

- Tháng 12/2024, bà nhờ bà X mua cà phê tươi là 108.000kg (108 tấn), bà X trả được một phần cà phê và tiền, còn nợ lại 38.939kg cà phê loại Rôbusta tươi (cà phê nhân: 8.368kg).

Quá trình hai bên thỏa thuận mua bán chót cà phê và bà M chuyển tiền cho bà X vào tài khoản của Lê Trung H (con trai bà X) và tài khoản của bà X: từ ngày 04/12/2024 đến ngày 24/12/2024 tổng cộng 2.556.000.000đ và số lượng cà phê tươi trong các ngày 04/12/2024 đến 24/12/2024 (theo giá từng ngày), tổng cộng tiền tính theo giá cà phê từng đợt, tổng cộng là 2.641.000.000đ, tương ứng 108 tấn cà phê tươi. Cụ thể như sau:

Ngày bà Mến chuyển khoản	Số tiền chuyển khoản/tài khoản người nhận	Số lượng cà phê chót và giá chót

04/12/2024	Chuyển 40.000.000đ vào tài khoản Lê Trung Hiếu	Chốt 10 tấn, giá 23.200 đ/kg, tổng số tiền là 232.000.000 đ
06/12/2024	Chuyển 100.000.000đ vào tài khoản Lê Trung Hiếu	Chốt 3 tấn, giá 26.000đ/kg, tổng số tiền là 78.000.000đ
07/12/2024	Chuyển 170.000.000đ vào tài khoản Lê Trung Hiếu	Ngày này không đặt cân cả phê tươi
08/12/2024	Chuyển 140.000.000đ vào tài khoản Lê Trung Hiếu	Chốt 10 tấn, giá 25.800đ/kg, tổng cộng là: 258.000.000đ
09/12/2024	Chuyển 02 lần tổng cộng 150.000.000đ vào tài khoản của Lê Trung Hiếu. Lần 1 chuyển 100.000.000đ, lần 2 chuyển 50.000.000đ	Chốt 10 tấn; 25.500đ/kg; tổng cộng 255.000.000đ
11/12/2024	Chuyển 200.000.000đ vào tài khoản Ninh Thị Lệ Xuân	Chốt 10 tấn, giá 245.000đ/kg; tổng cộng 245.000.000đ.
12/12/2024	Chuyển lần 01: 200.000.000đ vào tài khoản Lê Trung Hiếu. Tôi chuyển lần 02: 200.000.000đ vào tài khoản Ninh Thị Lệ Xuân	Chốt 10 tấn, giá 25.000đ/kg; tổng cộng 250.000.000đ
13/12/2024	Chuyển 95.000.000đ vào tài khoản bà Xuân	Ngày này không chốt cả
15/12/2024	Chuyển 243.000.000đ	Chốt 10 tấn giá 24.300đ/kg; tổng cộng 243.000.000đ
16/12/2024	Chuyển 240.000.000đ vào tài khoản bà Xuân. Lần 01 chuyển: 220.000.000đ, lần 02 chuyển: 20.000.000đ	Chốt 10 tấn cà; giá 24.000đ/kg, với tổng số tiền là: 240.000.000đ
18/12/2024	Chuyển 100.000.000đ vào tài khoản bà Xuân	Chốt 10 tấn cà giá 24.000đ/kg với tổng số tiền là 240.000.000đ
19/12/2024	Chuyển tổng cộng 02 lần: Lần 1 chuyển: 140.000.000đ, lần 02 chuyển: 120.000.000đ với tổng số tiền là: 260.000.000đ vào tài khoản	Chốt 5 tấn cà giá 24.000đ/kg; tổng số tiền là: 120.000.000đ

	bà Xuân	
22/12/2024	Chuyển 180.000.000đ vào tài khoản bà Xuân	Giao trả tiền cà còn thiếu tiền
23/12/2024	Chuyển 300.000.000đ vào tài khoản bà Xuân	Chốt 15 tấn cà giá 240.000.000đ; tổng số tiền là 360.000.000đ
24/12/2024	Chuyển 100.000.000đ vào tài khoản bà Xuân	Chốt 5 tấn giá 24.000đ/kg tổng số tiền là 120.000.000đ

Ngoài ra, trong ngày 26/12/2024, chuyển 03 lần tổng cộng là: 601.000.000đồng: 02 lần chuyển tổng là: 600.000.000đồng, còn lại chuyển là: 1.000.000đồng vào tài khoản bà X, đây là số tiền chuyển mua 05 tấn cà phê nhân, số cà phê này bà X đã giao cà cho bà M và bà M chuyển tiền của số cà nhân này để trừ ngược lại số cà tươi mà các bên chốt đến ngày 24/12/2024 là 31.800.000đồng. Như vậy, bà M giao tiền cho bà X so với tiền đặt chốt cà phê thì còn nợ lại $85.000.000đ + 31.800.000đ = 116.800.000đ$. Số tiền này hai bên thỏa thuận trừ vào tương ứng 4.866kg; sau đó bà X có chuyển tiền cho bà M số cà tươi tương ứng 9.145kg; cho nên lấy tổng số cà phê chốt $108.000kg - (55.050kg + 9.145kg + 4.866kg)$ bà X đã giao = 38.939kg cà phê tươi.

Đến ngày 12/01/2025, bà X chốt nợ, bà N nhận nợ các khoản:

- Nợ cà phê nhân trong năm 2022: 15.289kg cà phê nhân Robusta;
- 600.000.000đ tiền vay nợ từ năm 2021 đến năm 2023;
- 05 tấn phân NPK 52.000.000đồng (nợ 2022-2023);
- Năm 2024: 38.939kg cà phê tươi, tương ứng 8.368kg cà phê nhân Robusta.

Ngày 12/01/2025, hai bên chưa chốt giá cà là bao nhiêu. Ngày 12/01/2025, bà Trần Thị N (là mẹ của X), viết giấy nhận nợ và cam kết thanh toán nếu bà X không thực hiện được bà N sẽ bàn giao lại cho bà M toàn bộ diện tích đất tại thửa số: 120, tờ bản đồ số: 65 (năm 2013), diện tích: $4.759m^2$; địa chỉ thửa đất: xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Nay bà M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải hoàn trả lại cho bà M số tiền: Lãi suất: $400.000.000đ \times 0,88\% \times 44\text{tháng} = 151.300.000đ$; $252.000.000đ \times 0,88\% \times 29\text{tháng} = 63.800.000đ$. Tổng số tiền lãi là: 215.100.000đ. Tổng gốc và lãi là: $652.000.000đ + 215.100.000đ = 867.100.000đ$. Số tiền quy đổi theo giá cà phê nhân khô loại cà phê Robusta tại thời điểm hiện nay là: $15.289.7kg + 8.368kg = 23.657kg \times 134.000đ/01kg = 3.170.000.000đ$, vậy tổng số tiền bà X phải trả cho bà M là: $867.100.000đ + 3.170.000.000đ = 4.037.100.000đ$ (bốn tỷ không trăm ba mươi bảy triệu một trăm nghìn đồng). Nếu bà X mất khả năng thanh toán thì bà Trần Thị N phải

thực hiện việc trả nợ như giấy nhận nợ do chính bà N viết theo quy định của pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Ninh Thị Lệ X – bà Lê Thị Kim L trình bày:

Bà X và bà M có mối quan hệ quen biết, làm ăn, mua bán cà phê với nhau từ khoảng năm 2020. Trong quá trình đó, bà X cũng có vay tiền của bà M một số lần. Các lần khác thì đã trả đủ, còn 02 khoản tiền vay với số tiền là 600.000.000đồng như bà M khởi kiện và tiền 01 tấn phân NPK với giá là 52.000.000đồng. Tuy nhiên, theo lời bà X thì cũng trong năm 2022 bà X đã nhiều lần chuyển tiền để trả dần cho bà M để thanh toán khoản tiền nợ trên và khoản tiền nợ do quy đổi cà phê như nêu sau:

Vào năm 2021, năm 2022, do gặp khó khăn trong việc thu mua nên bà X còn nợ bà M 02 đơn hàng với tổng trọng lượng cà phê là 15.289,7kg cà phê nhân loại Rôbusta. Tuy vậy, vào khoảng cuối năm 2022 giữa bà X và bà M đã thống nhất thỏa thuận bà X sẽ thanh toán cho bà M giá trị bằng tiền đối với trọng lượng cà phê trên với giá là 49.000đồng/kg, bà M cho bà X trả dần (bà X cho biết sau khi thỏa thuận thì bà đã chuyển cho bà M, thanh toán được một số khoản tiền). Việc chốt giá trên chỉ được các bên thỏa thuận miệng với nhau chứ không được lập thành văn bản. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết, trao đổi, một số lần bà M đã thừa nhận về sự thỏa thuận này. Hơn nữa, nếu không thật sự có sự thỏa thuận thì chẳng có lý do gì mặc dù các bên vẫn tiếp tục mối quan hệ làm ăn mua bán cà phê với nhau vào các năm sau đó nhưng lại không cần trừ vào sản lượng cà phê nợ của năm 2021 và 2022 mà còn để đến hiện nay. Do vậy, nay bà M khởi kiện yêu cầu bà X phải trả số lượng cà phê trên bằng tiền với mức giá 134.000/kg thì bà X không đồng ý.

Cụ thể các lần chuyển tiền bà X thanh toán cho bà M khoản nợ vay và nợ do quy đổi ra giá trị sản lượng cà phê như sau:

- Ngày 29/04/2022 thanh toán 10.000.000đ;
- Ngày 07/06/2022 thanh toán 200.000.000đ;
- Ngày 18/06/2022 thanh toán 34.000.000đ;
- Ngày 07/07/2022 thanh toán 150.000.000đ;
- Ngày 10/08/2022 thanh toán 183.000.000đ;
- Ngày 13/08/2022 thanh toán 17.000.000đ;
- Ngày 17/09/2022 thanh toán 100.000.000đ;
- Ngày 20/09/2022 thanh toán 50.000.000đ;
- Ngày 22/09/2022 thanh toán 70.000.000đ;
- Ngày 18/10/2022 thanh toán 50.000.000đ;

- Ngày 29/10/2022 thanh toán 30.000.000đ;
- Ngày 01/11/2022 thanh toán 20.000.000đ;
- Ngày 09/12/2022 thanh toán 50.000.000đ;
- Ngày 28/02/2023 thanh toán 40.000.000đ;
- Ngày 29/03/2023 thanh toán 100.000.000đ;
- Ngày 26/04/2023 thanh toán 50.000.000đ;

Liên quan đến việc mua bán cà phê tươi như bà M trình bày thì: trong năm 2024, giữa bà X và bà M vẫn thỏa thuận mua bán cà phê, xác lập nhiều đơn hàng với nhau. Tuy nhiên, cho đến hiện nay giữa bà X và bà M chưa bao giờ cùng ngồi lại để chốt lại việc mua bán cà phê với nhau vào năm 2024, hơn nữa theo lời trình bày của bà X cung cấp thì sổ sách mua bán hiện đã bị thất lạc nên bà không thể xác định được tổng trọng lượng, số lần mua bán cà phê là bao nhiêu? Cũng như việc bà M đã thanh toán đủ tiền của các lần mua hàng hay chưa hay còn nợ lại bao nhiêu? Bà X đã giao hàng đủ hay chưa, có còn thiếu đơn hàng nào không hay còn nợ bao nhiêu? Còn đối với các nội dung, tài liệu là sổ sách do bà M cung cấp và cho rằng đó là căn cứ chứng minh có giao dịch mua bán 108.000kg cà phê thì bà X cho biết đó là nội dung ghi nhận một chiều từ bà M, bà X không đồng ý.

Đối với giấy vay tiền mà bà M cung cấp, bà X cho biết vào ngày 12/01/2025, bà M cùng con trai của bà M (tên là V) đã đến nhà của bà N và đe dọa, ép buộc bà N phải viết giấy nhận nợ và cam kết thanh toán tiền. Các nội dung viết trong “Giấy vay tiền” là do bà M đọc buộc bà N phải viết. Còn về bản chất, bà N không vay tiền, không làm ăn mua bán cà phê với bà M nên việc nay bà M yêu cầu buộc bà N phải thanh toán nợ là không đúng. Hơn nữa, tuy bà X có làm ăn mua bán cà phê, vay tiền của bà M, nhưng các khoản nợ được ghi tại “Giấy vay tiền” là không đúng. Các nội dung viết trong giấy vay tiền đều là do bà M đọc buộc bà Trần Thị N phải viết, sau đó ép buộc bà X phải ký. Sau khi xảy ra sự việc, bà X có viết hai đơn tố giác gửi đến Công an xã N và Ủy ban nhân dân xã N để đề nghị can thiệp, giải quyết theo phiếu “Vận đơn gửi nhiều bưu gửi” ngày 19/02/2025. Nếu không thật sự có việc đe dọa, cưỡng ép thì bà X sẽ không thể viết, gửi các đơn tố giác này. Và để vụ án được giải quyết triệt để, toàn diện, phía bà X đã có đơn đề nghị Tòa án thu thập hồ sơ giải quyết đơn tố giác của bà X tại Công an xã N và Ủy ban nhân dân xã N và yêu cầu phản tố yêu cầu Tòa án tuyên “Giấy vay tiền” đề ngày 12/01/2025 do bà M cung cấp là vô hiệu do bị đe dọa, cưỡng ép.

Do vậy, việc bà M căn cứ vào “Giấy vay tiền” trên để buộc bà N, bà X phải thanh toán tiền là không đúng, bà X không đồng ý.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Trần Thị N – bà Lê Thị Kim L trình bày:

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Phạm Thị M đã cung cấp “Giấy vay tiền” đề ngày 12/01/2025 để chứng minh rằng bà N, bà X có vay tiền và làm ăn, nợ tiền mua bán cà phê của bà M. Tuy nhiên, việc viết, ký vào “Giấy vay tiền” nêu trên hoàn toàn là do bà N, bà X bị đe dọa, cưỡng ép, ép buộc. Vào ngày 12/01/2025, bà M cùng con trai của bà (tên là V) đã đến nhà của bà N và đe dọa, ép buộc bà N phải viết giấy nhận nợ và cam kết thanh toán tiền. Các nội dung viết trong “Giấy vay tiền” cũng là do bà M đọc buộc bà N phải viết theo, chứ ở độ tuổi và sự am hiểu thì bà N không thể có những lời văn như tại “Giấy vay tiền” được. Còn về bản chất, bà N không vay tiền, không làm ăn mua bán cà phê với bà M nên bà M khởi kiện yêu cầu buộc bà N phải thanh toán nợ là không đúng, bà N không đồng ý.

Theo lời bà N, sau khi xảy ra sự việc, bà X là con gái bà có viết 02 đơn tố giác gửi đến Công an xã N và Ủy ban nhân dân xã N để đề nghị can thiệp, giải quyết theo phiếu “Vận đơn gửi nhiều bưu gửi” ngày 19/02/2025. Và để vụ án được giải quyết triệt để, toàn diện, bà N cùng bà X đã có đơn yêu cầu phản tố yêu cầu Tòa án tuyên “Giấy vay tiền” đề ngày 12/01/2025 do bà M cung cấp là vô hiệu do bị đe dọa, cưỡng ép. Do vậy, việc bà M căn cứ vào “Giấy vay tiền” trên để buộc bà N, bà X phải thanh toán tiền là không đúng, bà N không đồng ý.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Trung H khai: ông là con trai của bà Ninh Thị Lệ X. Trong năm 2024, mẹ của ông có mượn nhờ số tài khoản của ông: STK: 5440909036886 - Ngân hàng Q1 (MB) để bà Phạm Thị M chuyển tiền làm ăn giữa bà M và mẹ của ông (Ninh Thị Lệ X).

Khi ông nhận được tiền từ tài khoản của bà M chuyển vào tài khoản của ông thì ông đã rút tiền mặt về giao lại cho mẹ của ông. Việc làm ăn giữa bà M và mẹ ông như thế nào thì ông không biết. Ông chỉ biết mẹ của ông mượn tài khoản của ông và khi nhận được tiền ông đã chuyển lại cho mẹ. Ông không liên quan gì việc làm ăn giữa bà M và mẹ của ông.

Người làm chứng bà Lê Thị Hồng L1 trình bày ý kiến: bà được biết Tòa án đưa bà vào tham gia tố tụng trong vụ án nêu trên với tư cách là người làm chứng. Tuy nhiên, bởi sự thực bà không chứng kiến, không biết bất kỳ tình tiết gì có liên quan trong vụ án nêu trên. Do vậy, đề nghị Toà không xác lập tư cách của bà trong vụ án.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa sơ thẩm: nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bà Ninh Thị Lệ X và bà Trần Thị N thực hiện hoặc thực hiện nghĩa

vụ theo cam kết tại giấy nhận nợ ngày 12/01/2025. Yêu cầu bà Ninh Thị Lệ X và bà Trần Thị N liên đới thanh toán cho bà Phạm Thị M số tiền: 600.000.000đ nợ gốc, lãi suất tính từ 01/4/2025 đến ngày 12/02/2026 (10 tháng 10 ngày) với lãi suất 0,83%/tháng làm tròn là 50.000.000đ và 52.000.000đ tiền phân bón NPK. Đối với việc mua bán cà phê thì tổng số lượng cà phê bà X chưa giao cho bà M và bà X và bà N đã nhận nợ là 23.657kg, yêu cầu tính đơn giá đến thời điểm xét xử ngày hôm nay thì cà phê nhân Rôbusta có giá 95.000đ/01kg, thành tiền yêu cầu bà X và bà N có trách nhiệm trả cho bà M là $23.657\text{kg} \times 95.000\text{đ} = 2.247.415.000\text{đồng}$.

Tổng cộng, bà M yêu cầu bà X và bà N liên đới trả cho bà M 2.949.415.000đồng, (trong đó: 600.000.000đ (nợ gốc) + 50.000.000đ (nợ lãi) + 52.000.000đ (tiền phân NPK) + 2.247.415.000đồng (23.657kg cà phê nhân Rôbusta)).

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2026/DS-ST ngày 12/02/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Lâm Đồng quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 91, 92, 93, 94, 147, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ các Điều 127, 280, 288, 335, 336, 339, 357, 430, 433, 440, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị M về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản và mua bán tài sản đối với bị đơn bà Ninh Thị Lệ X và bà Trần Thị N.

Buộc bà Ninh Thị Lệ X và bà Trần Thị N liên đới thanh toán cho bà Phạm Thị M tổng số tiền 2.949.415.000đồng (hai tỷ chín trăm bốn mươi chín triệu bốn trăm mười lăm nghìn đồng). (Trong đó gồm: 600.000.000đồng tiền nợ vay gốc; 50.000.000đồng tiền lãi tính trên khoản vay 600.000.000đồng và 52.000.000đồng tiền phân bón NPK; 2.247.415.000đồng là giá trị quy đổi của 23.657kg cà phê nhân Robusta theo đơn giá 95.000đồng/kg).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền nêu trên, thì còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền lãi vượt 50.000.000đồng do nguyên đơn rút một phần yêu

cầu khởi kiện về lỗi suất. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án: quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại yêu cầu nói trên của đương sự được thực hiện theo quy định tại Điều 218 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Ninh Thị Lê X và bà Trần Thị N về việc yêu cầu tuyên vô hiệu “giấy vay tiền ngày 12/01/2025” vô hiệu do bị đe dọa, cưỡng ép.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 01/4/2026, bị đơn bà Ninh Thị Lê X1 và bà Trần Thị N có đơn kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Bà N là mẹ bà X1 không vay cũng như không mua bán cà phê với bà M nên cấp sơ thẩm buộc bà N liên đới cùng bà X1 trả nợ cho bà M là không đúng; về khoản tiền vay thì bà X1 thừa nhận có vay của bà M nhưng đã trả, về mua bán cà phê nhân, bà X1 thừa nhận có mua bán cà phê nhân với bà M, số lượng cà phê nhân bà X1 chưa giao cho bà M thì sau đó các bên có thỏa thuận bà X1 trả lại tiền cho bà M với giá 49.000đ/kg. Đối cà phê tươi thì bà X1 thừa nhận có mua bán với bà M nhưng việc ghi chép giữa các bên không rõ ràng nên không có căn cứ xác định số nợ cụ thể. Các khoản tiền mà bà X1 đã chuyển khoản cho bà M trước ngày 17/9/2022 thì bà X1 thừa nhận là chuyển trả cho các giao dịch khác, không liên quan trong vụ án này. Từ ngày 17/9/2022 đến ngày 26/4/2023, bà X1 đã chuyển khoản cho bà M 10 lần với tổng số tiền là 560.000.000đ, đề nghị cấp phúc thẩm trừ số tiền này vào khoản tiền vay và tiền bà X1 nợ bà M số lượng cà phê nhân chưa giao.

- Nguyên đơn đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Nguyên đơn xác định từ ngày 17/9/2022 đến ngày 26/4/2023, bà X1 đã chuyển khoản 10 lần với tổng số tiền là 560.000.000đ, số tiền này không liên quan đến số tiền chốt nợ vào năm 2025.

- Quan điểm của đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Thư ký, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng; người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự; xác định số nợ bà X1 phải trả cho bà M là có căn cứ. Tuy nhiên, bà N (mẹ bà X1) không có quan hệ vay hay mua bán cà phê với bà M, khi bà M đòi bà X1 thì bà N mới đồng ý trả nợ cho bà M.

Do vậy, phải xác định bà N là người bảo lãnh và xác định bà X1 phải có trách nhiệm trả nợ cho bà M, trường hợp bà X1 không trả được mới phát sinh trách nhiệm của bên bảo lãnh là bà N. Cấp sơ thẩm xác định bà N có trách nhiệm liên đới là không đúng. Đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà N, sửa bản án sơ thẩm theo hướng phân tích trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xác minh tại phiên tòa phúc thẩm và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Ninh Thị Lệ X, bà Trần Thị N trong thời hạn theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên đủ điều kiện giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Nội dung tranh chấp được xác định là hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán nông sản. Nguyên đơn bà Phạm Thị M khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Ninh Thị Lệ X phải trả số tiền vay gốc là 600.000.000 đồng và tiền nợ do nguyên đơn ứng trước 52.000.000 đồng để mua phân bón cho bị đơn; cũng như buộc bị đơn phải hoàn trả lại giá trị đối với số lượng 23.657kg cà phê nhân Robusta mà nguyên đơn đã mua nhưng bị đơn chưa giao hàng.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn:

[3.1] Đối với nội dung kháng cáo cho rằng bị đơn bị nguyên đơn cưỡng ép, buộc phải ký vào giấy vay tiền ngày 12/01/2025:

Bị đơn có yêu cầu phản tố, đề nghị tuyên "Giấy vay tiền ngày 12/01/2025" (có chữ ký của bà Trần Thị N, bà Ninh Thị Lệ X, người cho vay là bà Phan Thị M1 và người làm chứng Lê Thị Hồng L1) vô hiệu do bị đe dọa, ép buộc. Nhận thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh, thu thập kết quả giải quyết đơn tố giác từ Công an xã N Kết quả xác minh thể hiện: Không có căn cứ xác định nguyên đơn (bà M1) và con trai có hành vi hành hung, đe dọa vũ lực hay cưỡng ép bà N và bà X tại thời điểm lập giấy nợ. Việc bà X tự viết đơn tố giác sau khi đã ký xác nhận nợ hơn 1 tháng (vào ngày 19/02/2025), không phải là chứng cứ chứng minh có sự đe dọa tại thời điểm xác lập giao dịch.

Mặt khác, nội dung của Giấy vay tiền ngày 12/01/2025 thể hiện: "Chúng tôi sẽ cam kết số tiền còn lại sẽ trả trong năm 2025. Nếu không trả được, chúng tôi giải quyết trả cho chị M1 bằng lô đất mặt đường tại quốc lộ B. thửa đất số 720 tờ bản đồ 65 (2013) xã N - hiện nay tôi đang tiến hành làm sổ". Nội dung này thể hiện chi tiết cụ thể về thửa đất, tờ bản đồ, hiện trạng pháp lý tài sản thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà N, đây là những thông tin cá nhân đặc thù mà chỉ bà N nắm được, nguyên đơn bà M1 không thể tự mình biết rõ các nội dung này

để áp đặt hay ép buộc bị đơn viết nội dung trên vào giấy vay tiền. Như vậy, những thông tin liên quan đến tài sản cá nhân của bà N xuất hiện trong giấy vay tiền nói trên đã thể hiện ý chí tự nguyện, chủ động cung cấp thông tin tài sản từ phía bị đơn cho nguyên đơn nhằm mục đích xác nhận và đề xuất phương án đảm bảo giải quyết công nợ còn tồn đọng với nguyên đơn.

Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc tuyên vô hiệu "*Giấy vay tiền ngày 12/01/2025*" do bị đe dọa, cưỡng ép là có căn cứ. Kháng cáo của bị đơn về nội dung này là không có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Về khoản nợ mà bị đơn thống nhất với nguyên đơn:

Bị đơn thừa nhận có nợ tiền mua phân bón NPK là 52.000.000đ, có vay của nguyên đơn 750.000.000đ theo các giấy vay tiền nguyên đơn cung cấp, có nợ của nguyên đơn 15.289,7kg cà phê nhân khô.

[3.3] Số tiền bị đơn đã chuyển khoản cho nguyên đơn:

Theo các tài liệu mà các bên cung cấp là các giao dịch chuyển tiền giữa bà X và bà M1 có xác nhận của Ngân hàng thì bà X đã nhiều lần chuyển tiền cho bà M1. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện ủy quyền của bị đơn trình bày các khoản tiền bà X đã chuyển khoản cho bà M1 trước ngày 17/9/2022 thì bà X thừa nhận là chuyển trả cho các giao dịch khác, không liên quan trong vụ án này. Từ , bà X đã chuyển khoản cho bà M1 10 lần với tổng số tiền là 560.000.000đ, đề nghị cấp phúc thẩm trừ số tiền này vào khoản tiền vay, nợ mua phân bón và tiền nợ cà phê nhân chưa giao. Cụ thể: Ngày 17/9/2022: chuyển khoản 100.000.000 đồng; ngày 20/9/2022: chuyển khoản 50.000.000 đồng; ngày 22/9/2022: chuyển khoản 70.000.000 đồng; ngày 18/10/2022: chuyển khoản 50.000.000 đồng; ngày 29/10/2022: chuyển khoản 30.000.000 đồng; ngày 01/11/2022: chuyển khoản 20.000.000 đồng; ngày 09/12/2022: chuyển khoản 50.000.000 đồng; ngày 28/02/2023: chuyển khoản 40.000.000 đồng; ngày 29/3/2023: chuyển khoản 100.000.000 đồng; ngày 26/4/2023: 50.000.000 đồng.

[3.4] Về yêu cầu của bị đơn khấu trừ số tiền 560.000.000đ đã chuyển khoản cho nguyên đơn vào số nợ bị đơn phải trả:

Nguyên đơn thống nhất với bị đơn về số tiền bị đơn đã chuyển khoản là 560.000.000đ nhưng nguyên đơn cho rằng số tiền này không liên quan đến việc chốt nợ tại giấy vay tiền ngày 12/01/2025 vì việc chuyển khoản thực hiện trước khi các bên chốt nợ.

Xét thấy, trong 10 lần chuyển khoản trên không có nội dung trả tiền phân bón cũng như không có lần nào chuyển đúng số tiền 52.000.000đ. Nguyên đơn thừa nhận trong 10 lần chuyển khoản trên, có hai lần bà X chuyển khoản để trả nợ vay: ngày 18/10/2022 chuyển khoản 50.000.000 đồng nội dung “CK trả tiền chị M1” và ngày 29/3/2023 chuyển khoản 100.000.000 đồng nội dung “chuyển

trả nợ chị M1”, tổng cộng là 150.000.000 đồng là trừ vào số tiền bị đơn vay 350.000.000 đồng vào ngày 10/9/2022, nên số còn nợ lại 200.000.000 đồng, cộng với khoản vay 400.000.000đ ngày 03/6/2021 thành 600.000.000đ. Xét thấy, trình bày của bà M1 phù hợp với giấy vay tiền cũng như sự thừa nhận của bị đơn có vay của nguyên đơn 750.000.000đ và phù hợp với giấy chốt nợ ngày 12/01/2025 xác định bị đơn còn nợ 600.000.000đ tiền vay. Khoản tiền 220.000.000 đồng (chuyển khoản vào các ngày 17/9/2022, ngày 20/9/2022, ngày 22/9/2022) là bị đơn trả tiền ông T nợ tiền bắp và phân theo sổ ghi nợ (BL số 358), có chữ ký, chữ viết của bà X. Số tiền còn lại là 190.000.000 đồng (chuyển khoản vào các ngày 29/10/2022, 01/11/2022, 09/12/2022, 28/02/2023, 26/4/2023) tuy không được thể hiện trong sổ ghi nợ cũng như không có nội dung chuyển khoản nhưng xét thấy ngoài việc các bên có vay mượn, mua bán cà phê thì giữa nguyên đơn và bị đơn còn có nhiều mối quan hệ làm ăn khác như mua bán bắp... và các lần chuyển khoản này đều diễn ra trước khi các bên chốt nợ vào ngày 12/9/2025. Do vậy, không có căn cứ xác định số tiền 560.000.000đ là để trả cho khoản nợ tiền cà phê nhân khô, tiền vay, tiền nợ phân NPK như ý kiến của bị đơn. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về nội dung này là có căn cứ.

[3.5] Đối với số nợ cà phê tươi, được quy đổi thành cà phê nhân khô: Bị đơn thừa nhận có mua bán cà phê tươi với bà M1, thừa nhận còn nợ cà phê chưa giao nhưng không thống nhất số nợ là 8.368kg vì bà X chưa đối chiếu được sổ nợ. Xét thấy, bị đơn thừa nhận còn nợ cà phê tươi của bà M1, tại giấy chốt nợ ngày 12/01/2025 bị đơn đã thừa nhận còn nợ của nguyên đơn số cà phê tươi quy đổi thành cà phê nhân khô là 8.368kg. Do vậy cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải thanh toán số tiền ương ứng với số lượng cà phê bị đơn chưa giao cho nguyên đơn là có căn cứ.

[3.6] Về đơn giá cà phê nhân: Bị đơn thừa nhận còn nợ của nguyên đơn 15.289,7kg cà phê nhân khô, nhưng các bên thỏa thuận bà X trả cho bà M1 bằng tiền theo đơn giá 49.000đ/kg. Nguyên đơn không thừa nhận có thỏa thuận đơn giá là 49.000đ/kg và bị đơn không đưa ra tài liệu nào để chứng minh có thỏa thuận này.

Mặc dù các bên tham gia giao dịch mua bán cà phê nhân, cà phê tươi nhưng không lập thành văn bản, chỉ thỏa thuận giao dịch bằng miệng qua điện thoại. Tuy nhiên, căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời thừa nhận của các đương sự, có đủ cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bị đơn đã xác lập các giao dịch mua bán hàng hóa (*cà phê nhân khô, cà phê tươi*). Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán tiền mặt và tiền chuyển khoản để đặt hàng. Ngược lại, bị đơn đã thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ giao hàng theo đúng thời hạn và số lượng đã thỏa thuận, dẫn đến việc còn nợ lại nguyên

đơn tổng cộng 23.657 kg cà phê nhân Robusta (*theo nội dung thể hiện trong giấy vay tiền ngày 12/01/2025*). Đây là hành vi vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng mua bán tài sản. Theo quy định tại Điều 351, 356 và 360 Bộ luật Dân sự, khi bên có nghĩa vụ thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ nghĩa vụ giao vật cùng loại thì bên có quyền có quyền yêu cầu giao vật cùng loại khác hoặc thanh toán giá trị bằng tiền và bồi thường thiệt hại (nếu có). Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị đơn phải trả cho nguyên đơn tương ứng với giá trị tài sản (cà phê nhân) mà nguyên đơn đáng lẽ được nhận theo đúng thỏa thuận, được xác định theo giá thị trường tại thời điểm xét xử sơ thẩm là có căn cứ.

[3.7] Xét kháng cáo về nội dung xác định trách nhiệm liên đới của bà Trần Thị N:

Bị đơn kháng cáo cho rằng bà Trần Thị N không có mối quan hệ làm ăn, không trực tiếp vay tiền hay mua bán cà phê với nguyên đơn là bà M1 nên việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà N phải có trách nhiệm liên đới trả nợ (hoặc thực hiện nghĩa vụ thay cho bà X) là không đúng. Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù bà N không có quan hệ vay mượn, mua bán với bà M1, thực tế là không nợ tiền, tài sản của bà M1. Tuy nhiên, bà N đã tự viết Giấy vay tiền ngày 12/01/2025, thống nhất cùng con bà là bà X cùng chịu trách nhiệm trả nợ cho bà M1, đồng thời cam kết dùng chính tài sản của mình (thửa đất số 720, tờ bản đồ 65) để giải quyết nếu không trả được nợ, giấy vay tiền có cả bà M1, bà X và bà N cùng ký tên.

Điều 370 Bộ luật dân sự quy định về chuyển giao nghĩa vụ:

1. Bên có nghĩa vụ có thể chuyển giao nghĩa vụ cho người thế nghĩa vụ nếu được bên có quyền đồng ý, trừ trường hợp nghĩa vụ gắn liền với nhân thân của bên có nghĩa vụ hoặc pháp luật có quy định không được chuyển giao nghĩa vụ.

2. Khi được chuyển giao nghĩa vụ thì người thế nghĩa vụ trở thành bên có nghĩa vụ.

Như vậy, bằng việc các bên thỏa thuận tại giấy vay tiền ngày 12/01/2025 đã thể hiện bà X chuyển giao một phần nghĩa vụ cho bà N và được bên có quyền là bà M1 đồng ý, nên cấp sơ thẩm buộc bà N liên đới cùng bà X trả nợ cho bà M1 là đúng quy định của pháp luật. Kháng cáo của bị đơn về nội dung này không có căn cứ chấp nhận

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận, bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên bà Ninh Thị Lệ X phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, bà Trần Thị N là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Ninh Thị Lệ X và bà Trần Thị N; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2026/DS-ST ngày 12 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Lâm Đồng.

- Áp dụng: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 91, 92, 93, 94, 147, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ các 280, 288, 357, 370, 430, 433, 440, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị M.

Buộc bà Ninh Thị Lệ X và bà Trần Thị N liên đới thanh toán cho bà Phạm Thị M tổng số tiền 2.949.415.000đồng (hai tỷ chín trăm bốn mươi chín triệu bốn trăm mười lăm nghìn đồng), gồm: 600.000.000 đồng tiền nợ vay gốc; 50.000.000 đồng tiền lãi tính trên khoản vay 600.000.000 đồng; 52.000.000 đồng tiền nợ mua phân bón NPK; 2.247.415.000 đồng là giá trị quy đổi của 23.657kg cà phê nhân Robusta theo đơn giá 95.000đồng/kg.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền nêu trên, thì còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Ninh Thị Lệ X và bà Trần Thị N về việc yêu cầu tuyên vô hiệu “giấy vay tiền ngày 12/01/2025” vô hiệu do bị đe dọa, cưỡng ép.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Trần Thị N. Buộc bà Ninh Thị Lệ X phải chịu 45.794.150 đồng (bốn mươi lăm triệu bảy trăm chín mươi bốn ngàn một trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng bà X đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0009438 ngày 27/11/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng; bà Ninh Thị Lệ X còn phải nộp thêm 45.494.150 đồng (bốn mươi lăm triệu bốn trăm chín mươi bốn ngàn một trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Phạm Thị M số tiền 56.018.500 đồng bà M đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0000863 ngày 20/5/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2 – Lâm Đồng).

- Án phí dân sự phúc thẩm: bà Ninh Thị Lệ X phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0006824 ngày 16/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng. Bà X đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm. Bà Trần Thị N được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 36 và Điều 72 Luật Thi hành án Dân sự năm 2025, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Thi hành án Dân sự năm 2025.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND khu vực 2 - Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 2 - Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Quân